TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11- NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2026
V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lữ Văn Thành

Bà Phạm Thị Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 100/2026/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 46/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị E, sinh năm 1987, CCCD: 040187010038 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Trú tại: Bản X, xã N, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh Vi Văn T, sinh năm 1985, CCCD: 040085010022 (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

Trú tại: Bản X, xã N, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Lương Thị E trình bày:

- Về tình cảm: Chị Lương Thị E và anh Vi Văn T tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2006. Tôi và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã N, tỉnh Nghệ An) vào ngày 29 tháng 6 năm 2007 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là vợ chồng tính cách, quan điểm sống quá khác nhau, nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau thậm tệ, vợ chồng cũng vì con mà cố gắng hàn gắn lại nhưng không được, cuộc sống vợ chồng ngày càng ngột ngạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có tiếng nói chung, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bản thân chị E vì cuộc sống khó khăn nên đi làm ăn xa, vợ chồng không còn liên lạc với nhau từ cuối năm 2017. Nay vợ chồng sống ly thân nhau gần 09 năm, mục đích hôn nhân không đạt được tình cảm vợ chồng không còn, chị E có nguyện vọng ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống và công việc.

- Về con chung: Chị Lương Thị E và anh Vi Văn T có 02 con chung là cháu Vi Thị Ước L, sinh ngày 19/9/2006 hiện cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết, còn cháu Vi Thành C, sinh ngày 07/5/2010 hiện cháu đang sống với chị E tại bản Xốp Kho, xã N, tỉnh Nghệ An. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2017 thì cháu C do chị E chăm sóc nuôi dưỡng, cháu C cũng có nguyện vọng sống với chị E nên nếu ly hôn đặt ra chị E có nguyện vọng nuôi cháu V Thành Công cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hoà giải hợp lệ cho anh Vi Văn T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T đều vắng mặt, vụ án không tiến hành hoà giải được do sự vắng mặt của bị đơn anh Vi Văn T. Nguyên đơn chị Lương Thị E vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Vi Văn T nên Toà án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kết quả xác minh tại UBND xã N, tỉnh Nghệ An: Chị Lương Thị E và anh Vi Văn T đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã N, tỉnh Nghệ An) tại số 14, quyển số 2, ngày 29 tháng 6 năm 2007; Chị Lương Thị E và anh Vi Văn T có 02 con chung là cháu Vi Thị Ước L, sinh năm 2006 đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, còn cháu Vi Thành C, sinh năm 2010 hiện đang sống với chị Lương Thị E. Chị Lương Thị E và anh Vi Văn T hiện đã sống ly thân với nhau.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/6/2026 cháu V Thành Công con chung của chị Lương Thị E và anh Vi Văn T: Cháu Vi Thành C có nguyện vọng sống với chị Lương Thị E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Nghệ An tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị Lương Thị E cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị Lương Thị E được ly hôn với anh Vi Văn T; Con chung: giao cháu Vi Thành C, sinh ngày 07/5/2010 cho chị Lương Thị E chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T; cháu Vi Thị Ước L, sinh ngày 19/9/2006 hiện cháu đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Tài sản chung, nợ chung: Chị E không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí: Chị E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Vi Văn T đăng ký thường trú tại bản X, xã N, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Lương Thị E và bị đơn anh Vi Văn T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân nhân dân khu vực 11- Nghệ An. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai không vì trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị E và anh T kết hôn với nhau vào năm 2007 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã N, tỉnh Nghệ An) cấp giấy chứng nhận kết

hôn tại số A, quyển số 02 ngày 29 tháng 6 năm 2007 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

[3.1] Tình cảm: Chị E và anh T trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do quan điểm sống khác nhau, nên thường xuyên cãi vã nhau, xúc phạm nhau thậm tệ, cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, tình cảm vợ chồng rạn nứt và đã sống ly thân với nhau, Chị E cũng thừa nhận, chị không còn tình cảm với anh T, không muốn tiếp tục chung sống với anh T và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, hôn nhân không đạt được mục đích, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của Chị E và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của Chị E là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Con chung: Chị E và anh T có 02 con chung là cháu Vi Thị Ước L, sinh ngày 19/9/2006 hiện cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết, còn cháu Vi Thành C, sinh ngày 07/5/2010 hiện cháu đang sống với chị Lương Thị E tại bản Xốp Kho, xã N, tỉnh Nghệ An, khi ly hôn chị Lương Thị E có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Xét thấy, từ khi ly thân vào năm 2021 cháu V Thành Công do Chị E chăm sóc, nuôi dưỡng, bản thân cháu C cũng có nguyện vọng sống với Chị E. Hội đồng xét xử xét thấy Vi Thành C đã sống ổn định với chị Lương Thị E. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Vi Thành C, sinh ngày 07/5/2010 cho chị Lương Thị E trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, trưởng thành, Chị E không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị Lương Thị E không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Nguyên đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lương Thị E được ly hôn với anh Vi Văn T.

2. Con chung:

+ Giao con chung của nguyên đơn và bị đơn là Vi Thành C, sinh ngày 07/5/2010 cho chị Lương Thị E trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T;

- Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Vi Thị Ước L, sinh ngày 19/9/2006 hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị chị Lương Thị E.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND khu vực 11-Nghệ An;
- Phòng THADS khu vực 11-Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Nga My;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lương Thị Ái